

Số: 1037/TB-CCTHADS

Krông Nô, ngày 13 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; 2022;

Căn cứ Quyết định số 16/2024/QĐST-DS ngày 21/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 459/QĐ-CCTHADS ngày 02/4/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ biên bản về việc người phải thi hành án tự nguyện giao tài sản để thi hành án ngày 09/10/2024.

Căn cứ Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 205/2024/THBM/745 ngày 23/10/2024 của Công ty cổ phần thẩm định giá Trung Hải Ban Mê;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông lựa chọn: Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam, địa chỉ: Số 76A Lê Thánh Tông, phường Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản đối với tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số 71 tờ bản đồ độc lập, diện tích 5.527m². Giá khởi điểm để bán đấu giá: 2.746.919.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm mười chín nghìn đồng).

2. Tài sản gắn liền với đất:

- Nhà xây cấp 4, diện tích 114m². Giá khởi điểm: 436.050.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Nhà bếp, diện tích 53m². Giá khởi điểm: 103.350.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Nhà ở công nhân, diện tích 78m². Giá khởi điểm: 115.830.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

- Nhà ở kho, diện tích 17m². Giá khởi điểm: 13.600.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Mái che phía trước, diện tích 78m². Giá khởi điểm: 56.160.000 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Mái che bên hông, diện tích 87m². Giá khởi điểm: 45.675.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Mái che lò sấy, diện tích 696m². Giá khởi điểm: 287.100.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).

- Lò sấy, diện tích 102m². Giá khởi điểm: 67.320.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Nhà kho 01, diện tích 90m². Giá khởi điểm: 37.800.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

- Nhà kho 02, diện tích 40m². Giá khởi điểm: 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

- Mái che lò sấy 02, diện tích 169m². Giá khởi điểm: 69.712.500 đồng (Sáu mươi chín triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

- Lò sấy 02, diện tích 29m². Giá khởi điểm: 13.920.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng cộng tài sản gắn liền với đất có giá khởi điểm bán đấu giá: 1.263.317.500 đồng làm tròn thành: 1.263.318.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng)

*** Tổng cộng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có giá khởi điểm để bán đấu giá: 4.010.237.000 đồng (Bốn tỷ không trăm mười triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng)**

Vậy, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô thông báo để Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam biết./.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT Cục THADS T. Đắk Nông;
- Cổng TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS THA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Phan Khắc Ánh

BẢNG CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Vụ: Trương Thị Thu Thanh, địa chỉ: Thôn 10, xã Năm Njang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA | KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ | | | GHI CHÚ |
|-----|---|------------|---|---|---|---------|
| | | | Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam | 2 | 3 | |
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá. | 23 | 22 | | | |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá. | 11 | 11 | 0 | 0 | |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...). | 6 | 6 | | | |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện. | 5 | 5 | | | |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá. | 8 | 8 | 0 | 0 | |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá. | 4 | 4 | | | |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá. | 4 | 4 | | | |
| 3 | Có Trang thông tin điện tử đang hoạt động. | 2 | 2 | | | |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến. | 1 | 0 | | | Chưa có |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá. | 1 | 1 | | | |
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong Phương án). | 22 | 22 | 0 | 0 | |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan. | 4 | 4 | | | |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao. | 4 | 4 | | | |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá | 4 | 4 | | | |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá. | 4 | 4 | | | |
| 5 | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá. | 3 | 3 | | | |
| 6 | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá. | 3 | 3 | | | |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản. | 45 | 32 | 0 | 0 | |
| 1 | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5. | 6 | 6 | 0 | 0 | |
| 1.1 | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào). | 2 | | | | |
| 1.2 | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng. | 3 | | | | |
| 1.3 | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng. | 4 | | | | |
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng. | 5 | | | | |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên. | 6 | 6 | | | 50HD |
| 2 | Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). | 18 | 10 | 0 | 0 | |
| | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5. | | | | | |

| | | | | | | |
|--------------|---|-----|----|---|---|---------------|
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch). | 10 | 10 | | | CL20% |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40%. | 12 | | | | |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70%. | 14 | | | | |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100%. | 16 | | | | |
| 2.5 | Từ 100% trở lên. | 18 | | | | |
| 3 | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3. | 5 | 5 | 0 | 0 | 08 năm (2017) |
| 3.1 | Dưới 03 năm. | 3 | | | | |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm. | 4 | | | | |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên. | 5 | 5 | | | |
| 4 | Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3. | 3 | 2 | 0 | 0 | |
| 4.1 | 01 đấu giá viên. | 1 | | | | |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên. | 2 | 2 | | | 03 ĐGV |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên. | 3 | | | | |
| 5 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3. | 4 | 3 | 0 | 0 | |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên. | 2 | | | | |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên. | 3 | 3 | | | |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên. | 4 | | | | |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4. | 5 | 2 | 0 | 0 | |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng. | 2 | 2 | | | |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng. | 3 | | | | |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng. | 4 | | | | |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên. | 5 | | | | |
| 7 | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2. | 3 | 3 | 0 | 0 | |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào). | 2 | | | | |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên. | 3 | 3 | | | 06 NV |
| 8 | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn. | 1 | 1 | | | 1 |
| IV | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3. | 5 | 3 | 0 | 0 | |
| 1 | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính. | 3 | 3 | | | |
| 2 | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính). | 4 | | | | |
| 3 | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính). | 5 | | | | |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định. | 5 | 5 | | | Có |
| Tổng số điểm | | 100 | 84 | | | |

*** Nơi nhận:**

- Chi cục trưởng;
- Lưu HSTHA.

Krông Nô, ngày 13 tháng 11 năm 2024

CHẤP HÀNH VIÊN



(Handwritten signature in blue ink)

Phan Khắc Anh